

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HS-ST
Ngày 17 / 3 / 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ly;

Ông Nguyễn Văn Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Văn D, sinh năm 1980, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị C1 và 02 con sinh năm 2002, 2011;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 22/12/2019 đến ngày 28/12/2019 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn P là Luật sư Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; vắng mặt.

- Bị hại:

+ Ông Lại Thanh L, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

+ Bà Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Ông Hồ Văn C (U), sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Lê Thành V; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn V1; vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị Ngọc A; vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn D làm thuê gần nhà Lại Thanh L và Lê Thị Ngọc M (vợ của L) ở ấp M, xã M, quan sát và nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong nhà của L và M. Khoảng 22 giờ ngày 16/12/2019, D chuẩn bị 01 cây kèm răng, cán bọc nhựa màu đỏ để trong túi quần, chạy xe đạp đến khu đất trống cách nhà M khoảng 20m ngồi đợi người trong nhà ngủ. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17/12/2019, D dùng kèm bẻ khóa rào B40, đi vào mở cửa hông nhà của L và M nhưng không được, D đi vòng ra cửa sau dùng tay mở chốt gài cửa vào trong nhà lấy trộm 01 máy sạ phân hiệu KASEI 3WF-3NE, màu trắng - cam; 01 máy xịt thuốc sâu hiệu HONDA KAWADEGUANG, màu trắng - đỏ, rồi đi ra khỏi nhà chạy xe đạp chở đi. Khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, phát hiện bị mất trộm tài sản, L và M trình báo cơ quan Công an. Hay tin sự việc lấy trộm tài sản bị phát hiện, nên ngày 22/12/2019 D đến Công an xã K đầu thú, giao nộp tài sản đã lấy trộm.

- *Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:* Thu giữ 01 máy sạ phân hiệu KASEI 3WF-3NE, màu trắng - cam; 01 máy xịt thuốc sâu hiệu HONDA KAWADEGUANG màu trắng - đỏ, hiện đã trả cho L và M; 01 xe đạp màu trắng có бага phía sau, hiện đã trả cho C1 (vợ của D); 01 áo thun dài tay màu xanh; 01 quần dài màu xanh và 01 cây kèm răng cán bọc nhựa màu đỏ dài 16cm, hiện đang còn tạm giữ để xử lý.

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐG ngày 26/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C: 01 máy sạ phân hiệu

KASEI 3WF-3NE, màu trắng - cam, đã qua sử dụng, trị giá 1.500.000 đồng; 01 máy xịt thuốc sâu hiệu HONDA KAWADEGUANG màu trắng - đỏ, đã qua sử dụng, trị giá 2.400.000 đồng; 02 chiếc nhẫn kiểu tròn trơn vàng 24kara, trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ, trị giá 41.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 45.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới khởi tố, tạm giam Đốt để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSCM ngày 17 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Bùi Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ, cho bị cáo chấp hành hình phạt bên ngoài xã hội.

- Bị hại ông Lại Thanh L, bà Lê Thị Ngọc M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị C1 cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Cho nên, đề nghị xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, thu nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 áo thun dài tay màu xanh, 01 quần dài màu xanh và 01 cây kèm cán bọc nhựa do không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không đề cập giải quyết.

- Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại để chiếm đoạt tài sản của bị hại, thể hiện sự xem thường pháp luật. Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trộm cắp tài sản, đang có chiều hướng tăng, trên địa bàn huyện C, đề nghị xử phạt bị cáo như đã đề nghị trong lời luận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Bùi Văn D khai nhận, do nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông Lại Thanh L, bà Lê Thị Ngọc M, khoảng 22 giờ 00, ngày 16/12/2019, bị cáo đề 01 cây kèm rằng đề vào túi quần, chạy xe đạp đến khu đất trống, gần nhà ông L, bà M ngồi đợi người trong nhà ngủ. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17/12/2019, bị cáo dùng kèm bẻ khóa rào B40, đi vòng ra cửa sau, mở chốt gài cửa vào trong nhà lấy trộm 01 máy sạ phân màu trắng, cam, 01 máy xịt thuốc sâu màu trắng, đỏ, rồi đi trở ra, chạy xe đạp chở đi. Đến ngày 22/12/2019, khi biết sự việc bị phát hiện, bị cáo chỉ nơi cất giấu tài sản rồi nhờ Nguyễn Thị C1, Hồ Văn C (vợ và cháu của bị cáo) mang trả cho ông L, bà M và đến Công an xã K đầu thú.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 20/12/2019 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới lập; lời khai của ông Lại Thanh L, bà Lê Thị Ngọc M về việc phát hiện bị mất trộm tài sản vào khoảng 05 giờ ngày 17/12/2019; lời khai của ông Lê Thành V (em của bà M), ông Nguyễn Văn V1 về việc được bà M cho biết bị mất trộm tài sản vào ngày 17/12/2019; lời khai của bà Nguyễn Thị C1 (vợ của bị cáo), ông Hồ Văn C (cháu của bị cáo) và bà Nguyễn Thị H (chạy xe đồ) về việc bị cáo cho bà C1, ông C biết đã lấy trộm 01 máy sạ phân và 01 máy xịt thuốc sâu của ông L, bà M, chỉ nơi cất giấu và nhờ bà C1, ông C đem trả vào ngày 17/12/2019. Đến khoảng

15 giờ 00 ngày 18/12/2019, ông C điều khiển xe mô tô, bà C1 thuê bà H chở máy sạ phân, máy xịt thuốc sâu bị chiếm đoạt trả cho ông L, bà M; lời khai của bà Bùi Thị Ngọc A (vợ của ông C) về việc nghe tin bị cáo lấy trộm tài sản bị phát hiện nên nói cho ông Chiến biết. Sau đó, ông C cùng bà C1 mang tài sản lấy trộm được trả cho ông L, bà M.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ gồm: 01 máy sạ phân, 01 máy xịt thuốc sâu bị chiếm đoạt; 01 xe đạp màu trắng, 01 cây kèm răng cán bọc nhựa màu đỏ và 01 áo thun dài tay màu xanh, 01 quần dài màu xanh được bị cáo sử dụng làm phương tiện, mặc khi thực hiện hành vi chiếm đoạt.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện chủ sở hữu sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 máy sạ phân, 01 máy xịt thuốc sâu của ông L, bà M.

Đối với ý kiến của các bị hại về việc bị mất 02 chiếc nhẫn, thấy rằng, các bị hại khai, ngoài 01 máy sạ phân, 01 máy xịt thuốc sâu, các bị hại còn bị mất trộm 02 chiếc nhẫn kiểu tròn trơn vàng 24 kara, trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ. Người làm chứng ông Nguyễn Văn V1 có nghe bà M nói bị mất 02 chiếc nhẫn vàng 24 kara; ông Lê Thành V có nghe bà M nói bị mất 01 cây vàng 24 kara; ông Phạm Văn N xác định, bà M có đến tiệm vàng của ông N mua 02 chiếc nhẫn vàng 24 kara, trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ (không biên nhận). Tuy nhiên, các bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị chiếm đoạt 02 chiếc nhẫn. Trong khi đó, bị cáo không thừa nhận có chiếm đoạt 02 chiếc nhẫn. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa cũng không thể hiện việc bị cáo có chiếm đoạt 02 chiếc nhẫn. Cho nên, không có căn cứ xác định bị cáo đã chiếm đoạt 02 chiếc nhẫn như ý kiến của các bị hại.

Theo Kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐG ngày 26/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, 01 máy sạ phân trị giá 1.500.000 đồng; 01 máy xịt thuốc sâu trị giá 2.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.900.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông L, bà M là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng lúc đêm khuya, khi tài sản không có người trông giữ, nhanh chóng mang tài sản đi nơi khác cất giấu và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị C1 không biết việc bị cáo sử dụng xe đạp là tài sản chung của bị cáo và C1 làm phương tiện phạm tội. Bà C1, ông Hồ Văn C, bà Nguyễn Thị Kim H không cùng bị cáo chiếm đoạt tài của bị hại. Khi được bị cáo chỉ nơi cất giấu và nhờ trả tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại, bà C1 đã thuê bà H và cùng ông C mang máy sạ phân và máy xịt thuốc sâu trả cho bị hại. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với bà C1, ông C, bà H là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho các bị hại 01 máy sạ phân và 01 máy xịt thuốc sâu bị chiếm đoạt; giao trả cho bà C1 01 xe đạp là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự nên không đề cập xử lý lại.

- 01 áo thun dài tay màu xanh, 01 quần dài màu xanh là trang phục được bị cáo mặc khi phạm tội nên là vật có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội; 01 cây kềm được bị cáo sử dụng để bẻ khóa đột nhập vào nhà của bị hại chiếm đoạt tài sản nên là phương tiện phạm tội. Do các vật này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại 01 máy sạ phân và 01 máy xít thuốc sâu bị chiếm đoạt, các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Bùi Văn D: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 22/12/2019 (ngày hai mươi hai, tháng mười hai, năm hai nghìn không trăm mười chín).

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) áo thun dài tay màu xanh, có túi phía trước bên trái, phía sau áo có chữ quán cà phê Lước Hà (đã qua sử dụng);
- 01 (một) quần dài màu xanh (đã qua sử dụng);
- 01 (một) cây kèm răng cán bọc nhựa màu đỏ, dài 16cm (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Bùi Văn D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, ông Lại Thanh L, bà Lê Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị C1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H, ông Hồ Văn C (U) là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an H. C;
- CQTHAHS Công an H. C;
- CQĐT Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. C;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình